WEEK: 3

PERIOD: 7

UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS

GETTING STARTED

*** Vocabulary:**

1. an answering machine: máy tự động trả lời và ghi lại lời nhắn gửi
2. a mobile phone: điện thoại di động
3. a fax machine: máy (nhận gửi) fax
4. a telephone directory: danh bạ điện thoại
5. a public telephone: điện thoại công cộng
6. an address book: sổ ghi địa chỉ
7. arrangement(n) : sự sắp xếp.
8. agree (v) đồng ý
9. appointment (n): cuộc hẹn
10. downstair (v) xuống cầu thang

*** Grammar:**

Prepositions

1. Far from	: xa
2. Hold on	: cầm/ giữ điện thoại
3. Speak to	: nói với ai
4. Come up with	: nảy ra ý kiến hay
5. Lead/ led to	: dẫn đến
6. Pick up	: nhặt lên, đón rước ai đó
7. Come over	: ghé ngang qua, đi ngang qua
8. Reach …at + số điện thoại	: liên lạc ở số …
9. make arrangements	: sắp xếp

II. Exercises:

Choose the best answer among a,b,c or d that best completes each sentence

1. He started experimenting with ways of transmitting speech _____a long distance.

A. over B. in C. on D. above

2. Hello. I'm Peter. Can I speak _____Paul, please.

A. of B. to C. on D. at

3. What's _____at the City Theater tonight?

A. off B. about C. on D. in

4. Deaf-mutes can _____ speak _____ hear.

A. both… and B. not only… but also C. neither… nor D. either… or

5. Alexander Graham Bell was born _____ March 3, 1847.

A. in B. on C. at D. during

6. They _____ from Canada to America to find work.

A. left B. immigrated C. came D. emigrated

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1. **Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I: Mục II:	1. 2. 3.

2. **Một số lưu ý**

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868

Hoặc gửi lại cho người phát tài liệu

WEEK: 3

PERIOD: 8

UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS

SPEAK

*** Answer the questions:**

Complete the dialogue. Ba and Bao are making ...

Ba: Hello. 8 257 012.

Bao: May/ Can I speak to Ba, please? This is Bao.

Ba: Hello, Bao. How are you?

Bao: I'm fine, thanks. How about you?

Ba: Great. Me too.

Bao: Can you play chess tonight?

Ba: I'm sorry. I can't play chess tonight. I'm going to do my homework.

Bao: How about tomorrow afternoon?

Ba: Yes. Tomorrow afternoon is fine.

Bao: I'll meet you at the Central Chess Club.

Ba: At the Cental Chess Club? Let's meet at the front door.

Bao: Is 2.00 OK?

Ba: Great. See you tomorrow afternoon at 2.00 o'clock.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

3. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:

WEEK: 3
PERIOD: 9

UNIT 2: MAKING ARRANGEMENTS
READ

*** Vocabulary:**

1. emigrate (v): di cư → emigration (n): sự di cư
2. deaf (adj): bị điếc
3. mute (adj): bị câm
→ deaf- mutes (n): người bị câm điếc
4. experiment (v,n): thí nghiệm
5. transmit (v): truyền phát
6. speak (v): nói → speech (n): lời nói
7. invent (v): phát minh
→ invention (n): sự phát minh
→ inventor (n): nhà phát minh
8. assist (v): phụ giúp
→ assistant (n): người phụ việc, phụ tá
9. conduct (v): tiến hành thực hiện
10. come up with (phr): tìm ra
11. device (n): thiết bị
12. demonstrate (v): trình bày
13. countless (adj): vô số kể
14. exhibit (v): triển lãm
→ exhibition (n): buổi triển lãm
15. commerce (n) → commercial (adj): kinh doanh, thương mại

*** Answer the questions:**

I. True or false

	T	F
a) Alexander G. Bell was born in The USA. => Alexander G. Bell was born in Edinburgh.		√
b) He worked with deaf –mute patients in a hospital in Boston. => He worked with deaf – mute at Boston University.		√
c) Thomas Edison was Bell's assistant.	√	
d) Bell and Watson introduced the telephone in 1877. => Bell and Watson introduced the telephone in 1876.		√
e) Bell experimented with ways of transmitting speech between deaf – mutes over long distance. => Bell experimented with ways of transmitting speech over a long distance.		√
f) Bell demonstrated his invention at a lot of exhibitions.	√	

II. Put the events in the correct order

1. **d)** was bom in Scotland.
2. **e)** went to live in Canada.
3. **a)** went to live in the United States.
4. **g)** worked with people who could neither speak nor hear.
5. **c)** worked with Thomas Watson.
6. **b)** successfully demonstrated his invention.

7. **f)** invented the telephone.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

5. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I: